

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 425/2024/DS-ST

Ngày: 04/6/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bông Hương
2. Ông Đào Quốc Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 120/2025/DSST ngày 16/01/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty L

Địa chỉ: Số A đường P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Quang H (có mặt)

- Bị đơn: Ông Hoàng Đình T, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C đường C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn Công ty L có người đại diện theo ủy quyền là ông Tô Quang H trình bày:

Ngày 13 tháng 03 năm 2024, Công ty L và ông Hoàng Đình T có ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 04/HD24 để thực hiện các công việc pháp lý theo yêu cầu của ông Hoàng Đình T. Công ty L đã cử luật sư của mình thay ông T thực hiện thủ tục khởi kiện “Đòi tài sản” cho ông T. Vụ án đòi tài sản của ông T đã được Tòa án nhân dân quận T giải quyết và tuyên Bản án số: 956/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024. Tại phần quyết định của bản án, Tòa án đã chấp nhận toàn

bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là buộc bị đơn phải thanh toán cho ông T số tiền 14.576.000.000 đồng theo đúng yêu cầu khởi kiện của ông T. Sau khi có bản án trên ông T đã tự thỏa thuận với bị đơn và hai bên đã tự thi hành xong Bản án trên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2024, Công ty L và ông Hoàng Đình T đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng số 01/TLHĐ thanh lý Hợp đồng dịch vụ pháp lý trên, thời hạn thanh toán tiền dịch vụ pháp lý là 10 ngày kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2024 (do hai Bên thống nhất, thỏa thuận thanh lý vào ngày 31 tháng 10 năm 2024) và ông T xác nhận chưa thanh toán phí dịch vụ cho Công ty L với số tiền là 1.457.600.000 đồng vào ngày ký Biên bản thanh lý.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, ông Hoàng Đình T có chuyển khoản hai lần với số tiền 110.000.000 đồng thanh toán một phần tiền dịch vụ pháp lý cho Công ty L, số tiền còn lại chưa thanh toán là: $1.457.600.000 - 110.000.000 = 1.347.600.000$ đồng.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024, Công ty L có gửi Thông báo "Yêu cầu trả phí dịch vụ pháp lý" cho ông T, thời hạn thanh toán là 05 ngày kể từ ngày ông T được Thông báo, theo Phiếu báo phát ông T nhận ngày 03 tháng 12 năm 2024.

Nay Công ty L yêu cầu cá nhân ông Hoàng Đình T phải thanh toán cho Công ty L số tiền tiền phí dịch vụ pháp lý là 1.347.600.000 đồng (Một tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 12/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/6/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 75.317.917 đồng ($1.347.600.000 \text{ đồng} \times 204 \text{ ngày} \times 10\%/365 \text{ ngày}$). Tổng số tiền Công ty L yêu cầu cá nhân ông Hoàng Đình T phải thanh toán là 1.422.917.917 đồng. Yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực.

Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 10/3/2025 Bị đơn ông Hoàng Đình T trình bày: Ông có nhờ Luật sư Bùi Ngọc H1 thuộc Công ty L làm Hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa ông và ông Đậu Xuân Q. Ông K ông Q trả cho ông 14.576.000.000 đồng và phí dịch vụ 10% là 1.457.600.000 đồng. Hai bên thống nhất khi nào ông Q trả cho ông số tiền 14.576.000.000 đồng thì ông sẽ trả phí cho ông H1 phí dịch vụ 10% là 1.457.600.000 đồng. Tuy nhiên ông chưa nhận được số tiền trả lại từ ông Q là 14.576.000.000 đồng nên ông chưa trả tiền cho ông H1.

Qua yêu cầu của Công ty L ông không đồng ý vì ông Bùi Ngọc H1 làm dịch vụ của ông chưa hoàn thành.

Tại phiên tòa hôm nay ông Hoàng Đình Thanh vắng M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hợp đồng mà hai bên ký kết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ tranh chấp hợp đồng dịch vụ. Do bị đơn có trụ sở tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:*

Toà án đã tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa cho bị đơn là ông Hoàng Đình T theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T vẫn vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Hoàng Đình T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của các đương sự:*

- *Về yêu cầu thanh toán số tiền gốc và lãi của nguyên đơn:*

Xét Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 04/HD24 ngày 13 tháng 3 năm 2024 thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385 và Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét, trong quá trình thực hiện Hợp đồng dịch vụ thì ông Hoàng Đình T đã vi phạm Hợp đồng nên Công ty L khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Đình T hoàn trả số tiền còn thiếu là 1.347.600.000 đồng (Một tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 04/HD24 ngày 13 tháng 3 năm 2024, Biên bản thanh lý hợp đồng số 01/TLHĐ thanh lý Hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 01 tháng 11 năm 2024 và lời trình bày của ông Hoàng Đình T tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 10/3/2025, thể hiện ông Hoàng Đình T còn nợ Công ty L số tiền 1.347.600.000 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của Công ty L là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi của Công ty L, Công ty L yêu cầu ông Hoàng Đình Thanh thanh T1 tiền lãi do chậm thanh toán, tiền lãi chậm trả được tính từ ngày 12/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/6/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 75.317.917 đồng (1.347.600.000 đồng x 204 ngày x 10%/365 ngày).

Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên không thỏa thuận lãi suất nên căn cứ khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu của Công ty L tính lãi suất 10%/năm, ông Hoàng Đình T phải trả cho Công ty L số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 12/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/6/2025 với mức lãi suất 10%/năm số tiền là 75.317.917 đồng (1.347.600.000 đồng x 204 ngày x 10%/365 ngày)

- *Về thời hạn và phương thức thanh toán:* Công ty L khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Đình Thanh thanh T1 số tiền nợ trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, Ông Hoàng Đình T đã vi phạm nghĩa vụ

thanh toán được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty L, do đó việc Công ty L yêu cầu ông Hoàng Đình Thanh thanh T1 số tiền nợ trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Hoàng Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Công ty L là 1.422.917.917 đồng, do đó án phí ông Hoàng Đình T phải chịu là 54.687.500 đồng.

Hoàn trả cho Công ty L số tiền tạm ứng án phí là 27.274.152 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 385, 401, 402, 513, 519 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty L:

Buộc ông Hoàng Đình T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty L số tiền 1.422.917.917 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu chín trăm mười bảy nghìn chín trăm mười bảy đồng), trong đó số tiền gốc là 1.347.600.000 đồng (Một tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng), số tiền lãi là 75.317.917 đồng, theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 04/HD24 ngày 13 tháng 3 năm 2024.

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hoàng Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 54.687.500 đồng (Năm mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Hoàn trả cho Công ty L số tiền tạm ứng án phí 27.274.152 đồng (Hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm năm mươi hai đồng) đồng

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0045729 ngày 16/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Trúc Lý